

Lào Cai, ngày 29 tháng 4 năm 2017



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 21/7/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 25/5/2016;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2017;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico họp ngày 29 tháng 4 năm 2017,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh, ĐTXD năm 2016, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2017.

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh, ĐTXD năm 2016.**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu hiện vật</b>				
1	Tinh quặng sắt ( $\geq 65\%$ Fe)	tấn	50.000	5.163,8	10,3
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ ( $\geq 52\%$ )	tấn	100.000		
3	Khai thác quặng vàng Minh Lương ( $\geq 5$ gam Au/tấn)	m <sup>3</sup>	12.000	11.920,69	99,3
4	Bốc xúc VC thuê ngoài	m <sup>3</sup>	1.900.000	1.736.174	91,4
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu kinh tế</b>				
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	167.300	136.830	81,8
2	Nộp NSNN	Tr. đồng	40.681	15.635	38,4
3	LN trước thuế	Tr. đồng	779	2.300	295,2
4	Tỷ suất lợi nhuận / VCSH	%	2,2	6,57	298,6

5	Quỹ lương thực hiện	Tr. đồng	26.488	17.736	67
6	Lao động SD bình quân	người	389	252	64,8
7	Thu nhập bình quân người/ tháng	Tr. đồng	5,6	6,4	114,2
8	Chi trả cổ tức	%	0	0	
9	Đầu tư XDCB	Tr. đồng	48.250	11.969	24,8

**2. Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2017**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu hiện vật</b>			
1	Tinh quặng sắt ( $\geq 63,5\%$ Fe)	tấn	40.000	
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ ( $\geq 52\%$ Fe)	tấn	60.000	
3	Khai thác quặng vàng cho Công ty CP vàng Lào Cai ( $\geq 7$ gam Au/tấn)	m <sup>3</sup>	15.000	
4	Bóc xúc VC thuê ngoài	m <sup>3</sup>	1.646.700	
	<i>Tr.đó: Mở tuyến đồng SQ</i>	m <sup>3</sup>	1.406.700	
	<i>Mỏ sắt Nà Rua - CB</i>	m <sup>3</sup>	240.000	
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu kinh tế</b>			
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	173.950	
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	37.818	
3	LN trước thuế	Tr. đồng	2.773	
4	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	7,92	
5	Chi trả cổ tức	%	0	
6	Quỹ lương	Tr. đồng	19.690	
7	Lao động SD bình quân	Người	270	
8	Thu nhập bình quân	Tr. đ/ng/th	6,0	
9	Giá trị đầu tư XDCB	Tr. đồng	10.340	
	<i>Trong đó: Xây lắp</i>	"	3.320	
	<i>Thiết bị</i>	"	4.970	
	<i>QL, GPMB, TV, khác,...</i>	"	2.050	
	Theo nguồn vốn:	Triệu đồng	10.340	
	<i>Vay thương mại</i>	"	10.300	
	<i>KHTSCĐ</i>	"		
	<i>Cổ phần NN và phổ thông</i>	"	40	

(có biểu chi tiết ĐTXD kèm theo)

500  
CỔ  
CÁ  
HỘI  
LÀO

Năm 2017, do giá bán khoáng sản tinh quặng sắt chưa có dấu hiệu phục hồi, công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế cần xem xét, cân đối và điều chỉnh kế hoạch SXKD, ĐTXD cho phù hợp.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2016, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 (có báo cáo chi tiết kèm theo)

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016, kế hoạch hoạt động năm 2017 (có báo cáo chi tiết kèm theo)

**Điều 4.** Thông qua tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASC và Thông qua báo cáo công khai một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2016.

#### A. Bảng cân đối kế toán

##### Tài sản

TT	Tài sản	Số đầu năm (01/01/2016)	Số cuối năm (31/12/2016)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>85.759.854.410</b>	<b>46.060.192.891</b>	<b>53,71</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.190.364.472	2.196.415.469	9,08
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	51.774.654.456	31.071.261.629	60,01
4	Hàng tồn kho	8.305.304.885	7.485.174.885	90,13
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.489.530.597	5.307.340.908	356,31
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>77.003.043.449</b>	<b>87.914.527.336</b>	<b>114,17</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.070.760.003	2.220.760.003	107,24
2	Tài sản cố định	14.146.017.675	14.777.734.450	104,47
3	Bất động sản đầu tư			
4	Tài sản dở dang dài hạn	22.432.626.385	24.512.704.205	109,27
5	Đầu tư tài chính dài hạn	15.389.064.075	18.875.229.524	122,65
6	Tài sản dài hạn khác	22.964.575.311	27.528.099.154	119,87
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>162.762.897.859</b>	<b>133.974.720.227</b>	<b>82,31</b>

##### Nguồn vốn

<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>129.066.897.475</b>	<b>99.438.038.512</b>	<b>77,04</b>
1	Nợ ngắn hạn	126.816.897.475	97.495.538.512	76,88
2	Nợ dài hạn	2.250.000.000	1.942.500.000	86,33
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>33.696.000.384</b>	<b>34.536.681.715</b>	<b>102,49</b>
1	Vốn chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	100,00

2	Quỹ đầu tư phát triển	2.696.676.390	2.696.676.390	100,00
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.000.676.006)	(3.159.994.675)	78,99
<b>III</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>162.762.897.859</b>	<b>133.974.720.227</b>	<b>82,31</b>

**B. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
1	2	3	4	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.594.990.964	129.832.808.526	121,80
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.594.990.964	129.832.808.526	121,80
4	Giá vốn hàng bán	96.156.365.761	121.433.072.643	126,29
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.438.625.203	8.399.735.883	80,47
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.947.436.968	1.265.926.192	42,95
7	Chi phí hoạt động tài chính	14.818.052.515	(715.702.718)	
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.711.503.684	11.103.659.903	127,46
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.143.494.028)	(722.295.110)	7,12
11	Thu nhập khác	41.701.636.364	5.730.869.390	13,74
12	Chi phí khác	30.620.460.205	2.708.915.834	8,85
13	Lợi nhuận khác	11.081.176.159	3.021.953.556	27,27
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	937.682.131	2.299.658.446	245,25
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.622.227	1.458.977.115	62,09
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(1.411.940.096)	840.681.331	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		240	
18	Cổ tức trên cổ phiếu			

**C. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	47,31	65,62	138,70
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	52,69	34,38	65,25
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	79,30	74,22	93,60
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	20,70	25,78	124,52
3	Khả năng thanh toán				
	Tỷ số thanh toán tức thời	%	19,08	2,25	11,81
4	Tỷ suất lợi nhuận				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	0,88	1,77	201,35
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	(1,32)	0,65	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	(0,87)	0,63	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	%	(4,19)	2,43	
5	Hệ số bảo toàn vốn	lần	0,96	1,02	106,79

**Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016.

- LN trước thuế TNDN : 2.299.658.446 đồng;
- Thuế TNDN : 1.458.977.115 đồng;
- LN sau thuế : 840.681.331 đồng;
- Chi trả cổ tức : 0 đồng;

**Điều 6.** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, có năng lực kinh nghiệm kiểm toán, có chi phí kiểm toán phù hợp theo đúng quy định của pháp luật để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

**Điều 7.** Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS 2016. Mức thù lao HĐQT và BKS năm 2017.

**\* Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, với tổng số tiền là **200.400.000** đồng ( Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

**\* Mức thù lao HĐQT và BKS năm 2017**

Mức thù lao HĐQT, BKS từ 01/01/2017 cụ thể như sau:

T T	Chức danh	Mức lương (đ/ tháng)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền phụ cấp (đ/tháng)	Tiền phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	01	10	2.400.000	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	21.000.000	04	10	2.100.000	100.800.000
3	Trưởng BKS	21.000.000	01	10	2.100.000	25.200.000
4	Thành viên BKS	19.000.000	02	10	1.900.000	45.600.000
	<b>Cộng</b>					<b>200.400.000</b>

(Bảng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả SXKD của Công ty năm 2017.

**Điều 8.** Thông qua chủ trương tìm đối tác để hợp tác sản xuất kinh doanh Caolin – Fenspat mỏ Hang Dơi, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua chủ trương về việc tìm đối tác để hợp tác sản xuất kinh doanh Caolin – Fenspat tại mỏ Hang Dơi, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT tìm đối tác hợp tác sản xuất Caolin – Fenspat phải có đủ năng lực trên nguyên tắc công khai minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện phối hợp SXKD Caolin – Fenspat mỏ Hang Dơi phải đảm bảo tuân thủ các quy định về luật Khoáng sản và pháp luật có liên quan khác.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giao cho Ban kiểm soát Công ty tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3- Vimico năm 2017 đã được Đại hội biểu quyết tán thành 100% thông qua vào hồi 17 h 30 phút ngày 29/4/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể các cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với qui định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT;
- UBCKNN;
- Ban KS, Ban điều hành Công ty;
- Lưu HĐQT, VT./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Đỗ Thị Mai Hương**

**CHỮ KÝ ĐẠI DIỆN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG**

1. Nguyễn Cao Khương

2. Hoàng Tuấn Anh

3. Mai Văn Thành

Thư ký

**Mai Văn Thành**

4. Nguyễn Văn Hải

5. Nguyễn Văn Thanh

6. Đỗ Minh Tân

7. Phan Đức Thắng

8. Vương Thanh Tùng

9. Đỗ Văn Bình

10. Nguyễn Tuấn Vinh

11. Phạm Thị Thu Huyền

**BIÊN BẢN**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Vào hồi 14 h 00 ngày 29 tháng 4 năm 2017, tại hội trường khách sạn Lào Cai Galaxy, số 268 đường Minh Khai, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 theo Thư mời họp của HĐQT Công ty.

**Thành phần**

1. Các thành viên HĐQT:

- Bà Đỗ Thị Mai Hương - Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Cao Khương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.
- Ông Trần Quốc Hậu - Thành viên HĐQT.
- Ông Mai Văn Thành - Thành viên HĐQT.
- Ông Hoàng Tuấn Anh - Thành viên HĐQT.

2. Các thành viên Ban kiểm soát:

- Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Thành viên BKS
- Ông Trần Văn Thông - Thành viên BKS.

3. Và 12 (mười hai) cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có cổ phần sở hữu và cổ phần ủy quyền đại diện cho 3.313.280 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng 94,7 % tổng số cổ phần của Công ty.

4. Các khách mời là các đại biểu khách quý của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

**DIỄN BIẾN CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG CUỘC HỌP**

**I. Ổn định tổ chức, chào cờ, giới thiệu đại biểu.**

**II. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.**

Ông Hoàng Tuấn Anh - TV HĐQT thay mặt Ban tổ chức đọc Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với tỷ lệ tán thành 100% phiếu biểu quyết và không có ý kiến khác.

**III. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.**

Ông Hoàng Tuấn Anh - TV HĐQT thay mặt Ban tổ chức Đại hội thông qua báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và công bố 12 (mười hai) vị cổ đông tham gia biểu quyết tại Đại hội



đều đủ tư cách tham dự Đại hội. 12 cổ đông này sở hữu và đại diện cho 3.313.280 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với 94,7 % tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã hội tụ đủ các điều kiện để tiến hành.

#### **IV. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội**

Ông Hoàng Tuấn Anh - TV HĐQT thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Bà Đỗ Thị Mai Hương: Chủ tịch HĐQT Công ty, tỷ lệ tán thành 100% phiếu biểu quyết.

Bà Đỗ Thị Mai Hương chủ tọa Đại hội tuyên bố lý do và thông qua chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

#### ***Đại hội nhất trí 100% bầu Thư ký Đại hội***

1. Ông Mai Văn Thành : TP Kế hoạch - Đầu tư, Thư ký Công ty.

#### ***Đại hội nhất trí 100% bầu Ban kiểm phiếu gồm các ông có tên sau:***

1. Ông Nguyễn Văn Vĩnh : Trưởng Ban kiểm phiếu

2. Ông Vũ Công Chung : TV Ban kiểm phiếu

3. Ông Phan Văn Sâm : TV Ban kiểm phiếu

4. Ông Nguyễn Văn Hải : Đại diện cổ đông giám sát Ban kiểm phiếu

#### **V. Báo cáo, các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017**

1. Ông Nguyễn Cao Khương - TV HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo công tác SXKD, ĐTXD năm 2016, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.

2. Bà Đỗ Thị Mai Hương - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.

3. Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát giám sát hoạt động năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017.

4. Ông Trần Trung Thành - Kế toán trưởng trình bày Báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán năm 2016, báo cáo công khai một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2016.

5. Ông Trần Trung Thành - Kế toán trưởng Công ty trình bày phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2016.

6. Bà Phạm Thị Ngọc Linh - TB kiểm soát trình Đại hội về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.

7. Ông Trần Trung Thành - Kế toán trưởng trình Đại hội về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2017.

8. Ông Nguyễn Cao Khương - TV HĐQT, Giám đốc Công ty trình Đại hội về chủ trương tìm đối tác để hợp tác SXKD Caolin - Fenspat mỏ Hang Dơi, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

#### **VI. Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình bày tại Đại hội**

**1. Nội dung 1: Thảo luận thông qua Báo cáo của Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2016, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.**

#### ***Đại hội đồng cổ đông đánh giá:***

- Nhìn chung năm 2016, Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ do ĐHĐCĐ thường niên giao phó. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của HĐQT và kế hoạch do Tổng công ty giao.

U.N-0  
KT  
T.P.L

- Ban điều hành luôn năng động, sáng tạo và có nhiều cố gắng trong công tác điều hành SXKD, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, nghĩa vụ đối với Nhà nước.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **2. Nội dung 2: Thảo luận và thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2016, kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2017**

### **Đại hội đồng cổ đông đánh giá:**

- Trong năm 2016, HĐQT luôn đảm bảo tính tập trung, thống nhất, liên tục và kế thừa. HĐQT đã thực hiện khá tốt chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong Điều lệ Công ty.

- HĐQT đã phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các công việc phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi giai đoạn. Các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát và chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Về cơ bản các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh. Nội dung và trình tự các phiên họp đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- HĐQT chủ yếu do kiêm nhiệm nên nhiều khi chưa sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành Công ty.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **3. Nội dung 3: Thảo luận và thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát giám sát hoạt động năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017**

### **Đại hội đồng cổ đông đánh giá:**

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã làm đúng chức năng nhiệm vụ được giao, đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Mỗi thành viên Ban kiểm soát đều thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và Công ty. Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát không thấy có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận quản lý Công ty. Ban điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, các quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế hoạt động.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **4. Nội dung 4: Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và Thông qua Báo cáo công khai một số chỉ tiêu tài chính năm 2016.**

### **A. Bảng cân đối kế toán**

#### **Tài sản**

<b>TT</b>	<b>Tài sản</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2016)</b>	<b>Số cuối năm (31/12/2016)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>85.759.854.410</b>	<b>46.060.192.891</b>	<b>53,71</b>

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.190.364.472	2.196.415.469	9,08
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	51.774.654.456	31.071.261.629	60,01
4	Hàng tồn kho	8.305.304.885	7.485.174.885	90,13
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.489.530.597	5.307.340.908	356,31
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>77.003.043.449</b>	<b>87.914.527.336</b>	<b>114,17</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.070.760.003	2.220.760.003	107,24
2	Tài sản cố định	14.146.017.675	14.777.734.450	104,47
3	Bất động sản đầu tư			
4	Tài sản dở dang dài hạn	22.432.626.385	24.512.704.205	109,27
5	Đầu tư tài chính dài hạn	15.389.064.075	18.875.229.524	122,65
6	Tài sản dài hạn khác	22.964.575.311	27.528.099.154	119,87
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>162.762.897.859</b>	<b>133.974.720.227</b>	<b>82,31</b>

### Nguồn vốn

<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>129.066.897.475</b>	<b>99.438.038.512</b>	<b>77,04</b>
1	Nợ ngắn hạn	126.816.897.475	97.495.538.512	76,88
2	Nợ dài hạn	2.250.000.000	1.942.500.000	86,33
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>33.696.000.384</b>	<b>34.536.681.715</b>	<b>102,49</b>
1	Vốn chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	100,00
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.696.676.390	2.696.676.390	100,00
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.000.676.006)	(3.159.994.675)	78,99
<b>III</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>162.762.897.859</b>	<b>133.974.720.227</b>	<b>82,31</b>

### B. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ (%) 2016/ 2015
1	2	3	4	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.594.990.964	129.832.808.526	121,80
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.594.990.964	129.832.808.526	121,80

00  
 CỘT  
 CỘ  
 ĐẢN  
 VII  
 00

4	Giá vốn hàng bán	96.156.365.761	121.433.072.643	126,29
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.438.625.203	8.399.735.883	80,47
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.947.436.968	1.265.926.192	42,95
7	Chi phí hoạt động tài chính	14.818.052.515	(715.702.718)	
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.711.503.684	11.103.659.903	127,46
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.143.494.028)	(722.295.110)	7,12
11	Thu nhập khác	41.701.636.364	5.730.869.390	13,74
12	Chi phí khác	30.620.460.205	2.708.915.834	8,85
13	Lợi nhuận khác	11.081.176.159	3.021.953.556	27,27
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	937.682.131	2.299.658.446	245,25
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.622.227	1.458.977.115	62,09
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.411.940.096)	840.681.331	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		240	
18	Cổ tức trên cổ phiếu			

### C. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	47,31	65,62	138,70
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	52,69	34,38	65,25
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	79,30	74,22	93,60
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	20,70	25,78	124,52
3	Khả năng thanh toán				
	Tỷ số thanh toán tức thời	%	19,08	2,25	11,81

4	Tỷ suất lợi nhuận				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	0,88	1,77	201,35
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	(1,32)	0,65	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	(0,87)	0,63	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	(4,19)	2,43	
5	Hệ số bảo toàn vốn	lần	0,96	1,02	106,79

Đại hội đã thảo luận và thống nhất thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5. Nội dung 5: Thảo luận và thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2016.**

Lợi nhuận trước thuế : 2.299.658.446 đồng.

Thuế TNDN : 1.458.977.115 đồng.

Lợi nhuận sau thuế : 840.681.331 đồng.

Chi trả cổ tức : 0 đồng.

Năm 2016 lợi nhuận sau thuế là 840.681.331 đồng, nhưng lỗ lũy kế tính đến 31/12/2015 là 4.000.676.006 đồng, như vậy tính đến 31/12/2016 lỗ lũy kế vẫn còn 3.159.994.675 đồng, do vậy năm 2016 không có lợi nhuận để chia cổ tức.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**6. Nội dung 6: Thảo luận và thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017**

Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý giao cho HĐQT phối hợp với BKS Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, có năng lực kinh nghiệm kiểm toán, có chi phí kiểm toán phù hợp theo đúng các quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**7. Nội dung 7: Thảo luận và thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016. Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017**

**\* Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, với tổng số tiền là **200.400.000 đồng ( Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)**

**\*Thù lao HĐQT, BKS năm 2017.**

Căn cứ theo điều 4 Nghị định 51/2013/NĐ - CP quy định: “ Thù lao đối với viên chức quản lý không chuyên trách tại công ty được tính theo công việc và thời gian làm việc , nhưng không quá 20% tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách ... Đối chiếu với quy định, kết hợp với tình hình SXKD của Công ty năm 2017 gặp nhiều khó khăn, HĐQT dự thảo mức thù

13  
 TY  
 AN  
 SA  
 O  
 LA

lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017 bằng 10% mức lương quy định tại phụ lục II Nghị định 51/2013/NĐ- CP.

Mức thù lao từ 01/01/2017, cụ thể như sau:

T T	Chức danh	Mức lương (đ/tháng)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (%mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm( đ/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	1	10	2.400.000	28.800.000
2	Ủy viên HĐQT	21.000.000	4	10	2.100.000	100.800.000
3	Trưởng ban KS	21.000.000	1	10	2.100.000	25.200.000
4	Ủy viên BKS	19.000.000	2	10	1.900.000	45.600.000
	<b>Tổng cộng</b>					<b>200.400.000</b>

(Bảng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được xác định dựa vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**8. Nội dung 8: Thảo luận và thông qua chủ trương tìm đối tác để hợp tác sản xuất kinh doanh Caolin – Fenspat mỏ Hang Dơi, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua chủ trương về việc tìm đối tác để hợp tác SXKD Caolin – Fenspat mỏ Hang Dơi, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ,

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT tìm đối tác hợp tác sản xuất Caolin – Fenspat phải có đủ năng lực trên nguyên tắc công khai minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện phối hợp SXKD Caolin – Fenspat mỏ Hang Dơi phải đảm bảo tuân thủ các quy định về luật Khoáng sản và pháp luật có liên quan khác.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 99,06 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**9. Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.**

Ông Nguyễn Văn Vĩnh thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về việc thông qua 8 ( tám) nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

( có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

### 10. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

Ông Mai Văn Thành, Thư ký Công ty đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kết thúc hồi 17 h 30 phút cùng ngày. Biên bản được toàn thể các thành viên dự họp nhất trí thông qua 100% và cùng ký tên./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- UBCKNN;
- Lưu HĐQT, VT./.

**CHỦ TỌA PHIÊN HỌP  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Thị Mai Hương  
THƯ KÝ**

**Mai Văn Thành**

### CHỮ KÝ ĐẠI DIỆN CÁC CỔ ĐÔNG

1. Nguyễn Cao Khương
2. Hoàng Tuấn Anh
3. Mai Văn Thành
4. Nguyễn Văn Hải
5. Nguyễn Văn Thanh
6. Đỗ Minh Tân
7. Phan Đức Thắng
8. Vương Thanh Tùng
9. Đỗ Văn Bình
10. Nguyễn Tuấn Vinh
11. Phạm Thị Thu Huyền

C.P.